

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TỊNH BIÊN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2022/HS-ST  
Ngày: 23-12-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông **Châu Nam Phú**.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thanh Hoàng;

Ông Châu Kim Ba.

**- Thư ký phiên tòa:** ông Lê Quốc Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa:** bà Bùi Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 và ngày 23 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2022 đối với:

**1. Các bị cáo:**

1. 1. Họ và tên: Trần Văn C, giới tính: Nam, sinh ngày 19/09/1990. Nơi sinh: huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp H, xã P, thị xã P1, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; nghề nghiệp: làm thuê, bán vé số; trình độ học vấn: 5/12; cha tên Trần Văn N, sinh năm 1941 (đã chết), mẹ tên Võ Thị Thu H, sinh năm 1943 (đã chết). Anh chị em ruột có 04 người, bị cáo là người thứ tư.

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo Trần Văn C đang bị tạm giam từ ngày 09/08/2022 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện TB, có mặt tại phiên tòa.

1.2. Họ và tên: Trương Văn B, giới tính: nam, sinh ngày 11/5/1988. Nơi sinh: huyện PT, tỉnh An Giang. Nơi cư trú: ấp H, xã P, thị xã P1, tỉnh An Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: làm thuê, bán vé số; trình độ học vấn: 01/12; cha tên Phan Văn H, sinh năm 1941 (đã chết), mẹ

tên Trương Thu H, sinh năm 1954; Vợ tên Nguyễn Thị L, sinh năm 1990. Anh, chị, em ruột có 06 người, bị cáo là người thứ năm.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo Trương Văn B đang bị tạm giam từ ngày 09/08/2022 tại Nhà tạm giữ - Công an huyện TB, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị hại*: Nguyễn Thị L1, sinh năm 1985; Địa chỉ nơi cư trú: tổ 1, ấp B, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang, có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Nguyễn Thị L2, sinh năm 1990; Địa chỉ nơi cư trú: ấp H, xã P, thị xã P1, tỉnh An Giang, có mặt.

3.2. Nguyễn Long H1, sinh năm 1993; Địa chỉ nơi cư trú: ấp T, xã T2, huyện T3, tỉnh Vĩnh Long, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài, khoảng 08 giờ 45 phút ngày 08/08/2022, Trương Văn B điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 64AC - 003.58 chở Trần Văn C đi tìm tài sản lấy trộm. Khi đến khu vực tổ 08, ấp B, xã A, huyện TB, C phát hiện nhà của chị Nguyễn Thị L1 đóng cửa, không người trông giữ, nên C rủ B đột nhập vào nhà trộm cắp tài sản, được B đồng ý, rồi B dừng xe 64AC-003.58 cách nhà chị L khoảng 20 mét, cùng với C đi vòng ra phía sau nhà chị L1, C kêu B đứng bên ngoài canh giới, còn C nhặt một khúc gỗ dài khoảng 01m cạy gãy thanh sắt cửa sổ đột nhập vào nhà chị L1 lấy 01 con cá bằng đất nung màu vàng, bên trong có 10.000.000 đồng (mệnh giá 500.000 đồng), mang ra đưa cho B, C tiếp tục quay vào nhà bếp lấy trộm 245.000 đồng để trong ngăn tủ nhựa và 01 con dao.

Lấy trộm xong, C và B mang con cá bằng đất nung ra phía sau nhà chị L1, dùng dao đập bể con cá kiểm tra có 10.000.000 đồng, rồi C chia cho B 5.100.000 đồng, còn lại 5.145.000 đồng C giữ tiêu xài cá nhân.

Ngày 18/08/2022, Trần Văn C và Trương Văn B bị khởi tố điều tra.

Căn cứ Bản kết luận định giá tài sản số 1062/KL-HĐĐG.TTHS ngày 15/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tịnh Biên, xác định: 01 con cá chép màu vàng được làm bằng đất nung, dài 40 cm, cao 21cm được dùng để tiết kiệm tiền, giá trị tài sản là 250.000 đồng.

Căn cứ Bản kết luận giám định, số 332/KLGT-PC09 (KTSĐT), ngày 03/10/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh An Giang, kết luận:

- Trích xuất 26 ảnh từ dữ liệu 03 tập tin video lưu trữ trong USB (ký hiệu A) do Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Tịnh Biên gửi giám định, chi tiết thể hiện trong Phụ lục kèm theo.

- Dữ liệu 01 tập tin video lưu trữ trong USB (ký hiệu A) gửi giám định: được sao chép qua 01 đĩa DVD.

- Kèm theo kết luận giám định: 01 phụ lục gồm 15 trang A4 và 01 đĩa DVD có tổng dung lượng dữ liệu 152MB.

Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên thu giữ:

- 01 xe mô tô 64AC-003.58, số máy VTTYX1P39FMB -7101926 đã qua sử dụng.

- 01 mũ vải màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám; 01 áo vải dài tay, màu xanh hoa văn bông màu trắng.

- 01 mũ vải màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu vàng; 01 áo vải dài tay, màu đen.

- 01 khúc gỗ dài 1,43 mét; 01 con dao kim loại, cán gỗ dài 11cm, lưỡi dao dài 28cm; 01 con cá chép màu vàng được làm bằng đất nung, dài 40 cm, cao 21cm được dùng để tiết kiệm tiền (đã bị vỡ phức tạp).

- Tiền Việt Nam 5.100.000 đồng đã trả lại cho bị hại Nguyễn Thị L1.

Ngày 18/08/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên khởi tố vụ án, khởi tố các bị can đối với Trần Văn C, Trương Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Cáo trạng số: 50/CT-VKSTB.HS ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

*Lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp nội dung vụ án:*

- Chị Nguyễn Thị L trình bày: Sau khi sự việc xảy ra, chị L đã nhận lại số tiền 5.100.000 đồng từ L2 (vợ bị can B), tiếp tục yêu cầu bồi thường số tiền 5.395.000 đồng còn lại đối với bị cáo C, riêng con dao mua đã lâu, không còn giá trị nên không yêu cầu gì đối với con dao.

- Anh Nguyễn Long H1, chị Nguyễn Thị L2 (vợ bị can B) trình bày: Khi B đưa số tiền 3.000.000 đồng cho chị L2 giữ, không cho biết là tiền do trộm cắp mà có, sau khi làm việc với Công an, biết được số tiền trên do B trộm cắp mà có, nên chị L2 đã nộp khắc phục 5.100.000 đồng cho bị hại, không yêu cầu gì đối với số tiền trên. Xe mô tô 64AC-003.58 do anh H1 đứng tên trên giấy đăng ký xe nhưng đã bán cho một người không rõ họ tên cách đây 06 năm, không yêu cầu nhận lại xe.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B đã khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan và người làm chứng, kết luận định giá tài sản, vật chứng thu giữ và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Ngoài ra, bị cáo C khai xe 64AC-003.58 là của C mua của một người không rõ họ tên, B khai sau khi chia số tiền trộm 5.100.000 đồng, B đưa 3.000.000 đồng cho chị L2 giữ, không cho biết tài sản do phạm tội mà có, còn số tiền 2.100.000 đồng Bị đã tiêu xài hết.

Tại phiên tòa hôm nay, trong phần nói sau cùng các bị cáo C, B nhận thức được hành vi của mình trái pháp luật và rất hối hận, các bị cáo biết lỗi của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để sớm trở lại với xã hội, gia đình, làm việc kiếm tiền nuôi con nhỏ, khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Về trách nhiệm nhân sự: Bị cáo C đồng ý trả cho bị hại L1 số tiền 5.395.000 đồng.

*Kiểm sát viên thực hiện quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết:*

Về hình phạt Cnh:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58, Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trần Văn C: từ 01 năm 06 tháng .đến 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, Điều 58, Điều 38; b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Trương Văn B: từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

*Hình phạt bổ sung:* Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng đối với các bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn.

*Về biện pháp tư pháp:*

Xử lý vật chứng thu giữ: Đề nghị áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô 64AC-003.58, số máy VTTYX1P39FMB -7101926 (đã qua sử dụng).

Tịch thu, tiêu hủy: 01 mũ vải màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu xám; 01 áo vải dài tay, màu xanh hoa văn bông màu trắng. 01 mũ vải màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu vàng; 01 áo vải dài tay, màu đen. 01 khúc gỗ dài 1,43 mét; 01 con dao kim loại, cán gỗ dài 11cm, lưỡi dao dài 28cm; 01 con cá chép màu vàng được làm bằng đất nung, dài 40 cm, cao 21cm được dùng để tiết kiệm tiền (đã bị vỡ phức tạp) không còn giá trị sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị L1 (bị hại) trình bày, sau khi sự việc xảy ra, chị Lon đã nhận lại số tiền 5.100.000 đồng từ L2 (vợ bị can Bị), tiếp tục yêu cầu bồi thường số tiền 5.395.000 đồng còn lại, riêng con dao mua đã lâu, không còn giá trị nên không yêu cầu gì đối với con dao. Do đó:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo Trần Văn C và bị hại Nguyễn Thị L1, bị cáo Trần Văn C bồi thường 5.395.000 đồng cho bị hại Nguyễn Thị L1.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B bị Cơ quan điều tra - Công an huyện Tịnh Biên khởi tố về hành vi “Trộm cắp tài sản” do các bị cáo thực hiện trên địa bàn huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

[2] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên; Điều tra viên; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng hợp pháp.

[3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Long H1 đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, tuy nhiên đã có lời khai tại Cơ quan Điều tra, được thể hiện trong hồ sơ vụ án và việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử; căn cứ Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

- Về nội dung:

[4] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã nêu, các bị cáo C, B thừa nhận hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo không oan; lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay được đối chiếu với biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, sơ đồ, bản ảnh hiện trường, lời khai của của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa là phù hợp.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Vụ án trộm cắp tài sản xảy ra ngày 08/08/2022, tại khu vực tổ 8, ấp B, xã A, huyện TB, tỉnh An Giang do bị cáo C cùng với bị cáo B thực hiện hành vi lén lút vào nhà của bị hại L1, lấy trộm số tiền 10.245.000đ và con cá chép màu vàng làm bằng đất sét nung được định giá là 250.000đ. Tổng số tiền thiệt hại là 10.495.000đ (mười triệu bốn trăm Cn mười lăm nghìn đồng).

Như vậy đã có đầy đủ căn cứ pháp lý để kết luận rằng hành vi của các bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

**“Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: Tội “Trộm cắp tài sản”:**

*1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:*

*2.....;*

*5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.”*

Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì háms lợi, lười lao động, coi thường pháp luật mà bị cáo cố ý thực hiện. Do đó cần phải xử lý nghiêm nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

Vụ án do 02 bị cáo cùng thực hiện là mang tính đồng phạm nhưng thực hiện tội phạm giản đơn, vì không có sự tính toán và chuẩn bị kỹ càng, chu đáo, do đó cần phân hóa vai trò của từng bị cáo, kết hợp với nhân thân và sự thành khẩn của các bị cáo khi lượng hình phạt đối với từng bị cáo.

[6] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét đến tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo để có một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng;

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình tố tụng và tại phiên toà hôm nay cho thấy các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo có trình độ học vấn thấp, là lao động chính trong gia đình nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo B còn được gia đình khắc phục hậu quả với số tiền 5.100.000đ nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ ở điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về nhân thân, các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã từng bị 02 lần kết án về cùng tội trộm cắp tài sản đã được xoá án tích, sau khi chấp hành xong, lẽ ra các bị cáo phải biết sửa chữa bản thân, không tiếp tục vi phạm pháp luật, ngược lại các

bị cáo không làm được điều đó mà chỉ vì tham lam tư lợi, lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nhanh mà không phải lao động nên các bị cáo rủ nhau cùng thực hiện hành vi phạm tội như nội dung vụ án. Vì vậy lần phạm tội này cần cách ly các bị cáo với thời gian dài mới đủ sức cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Vật chứng chiếc xe mô tô là phương tiện do các bị cáo điều khiển đi tìm tài sản lấy trộm có liên quan đến vụ án cần phải tịch thu sung công quỹ Nhà nước, đối với vật chứng khác không còn giá trị sử dụng thì tịch thu tiêu huỷ như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên là có căn cứ pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự: tại phiên tòa, bị hại tiếp tục yêu cầu bị cáo C trả số tiền 5.395.000đ và bị cáo C đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận này.

[9] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 thì hành vi của bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B có thể phạt bổ sung từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Nhưng xét thấy bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có nghề nghiệp ổn định nên miễn phạt bổ sung cho bị cáo.

[10] Các vấn đề khác:

Đối với: Nguyễn Long H1 đã bán xe mô tô 64AC-003.58 cho người khác, không biết việc C sử dụng xe làm phương tiện đi trộm cắp, còn chị Nguyễn Thị L2 khi giữ 3.000.000 đồng của B không biết tiền do trộm cắp mà có. Nên, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Tịnh Biên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H1 và chị L2 là có căn cứ.

[11] Từ những nhận xét nêu trên cũng như qua tranh luận tại phiên tòa. Xét thấy, trong quá trình điều tra, truy tố các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng quy định. Vì vậy, đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật nên chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B mỗi người phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo C phải chịu thêm số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trần Văn C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 09/08/2022.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Văn B 01 (một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 09/08/2022.

**Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015

Buộc bị cáo Trần Văn C trả số tiền 5.395.000đ (năm triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) cho người bị hại Nguyễn Thị L1.

**Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

**- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:**

01 (một) xe mô tô biển số 64AC – 003.58, số máy: VTTYX1P39FMB - 7101926, số khung: RRKWCBIUMAXV 01926 (xe đã qua sử dụng).

**- Tịch thu tiêu hủy:**

- + 01 (một) mũ vải màu đen, có chữ CHANEL;
- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu xám, có chữ NÓN SƠN;
- + 01 (một) áo vải dài tay, màu xanh, trên áo có hoa văn bông màu trắng;
- + 01 (một) mũ vải màu đen;
- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu vàng, có chữ NÓN SƠN;
- + 01 (một) áo vải dài tay, màu đen, trên áo có chữ Mei Bao;
- + 01 (một) khúc gỗ dài 1,43m, nặng 1,85kg.
- + 01 (một) con cá chép màu vàng được làm bằng đất nung, dài 40cm, cao 21cm, được dùng để tiền tiết kiệm (đã bị vỡ phức tạp phần đầu và thân).
- + 01 (một) con dao được làm bằng kim loại, có cán dao bằng gỗ dài 11cm, lưỡi dao dài 28cm, bề rộng nhất lưỡi dao dài 6cm, bề hoành là 8cm.

*Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 12/11/2022 giữa Cơ quan Điều tra Công an huyện Tịnh Biên với Chi cục thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên.*

Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333, Điều 337 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều

26 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn C, Trương Văn B mỗi người phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo C phải chịu thêm số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo; bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- TAND tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát huyện Tịnh Biên;
- Thi hành án huyện Tịnh Biên;
- Đội CSTHAHS và hỗ trợ tư pháp;
- Lưu Hs & Vt.

**Châu Nam Phú**